BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH
QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

PHẠM THỊ HUYỀN

NÂNG CAO SỨC CẠNH TRANH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP RA ĐỜI TỪ CỔ PHẦN HOÁ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC Ở HẢI PHÒNG

Chuyên ngành : Kinh tế chính trị

Mã số : 62 31 01 01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2009

Công trình được hoàn thành
tại Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh

Người hướng dẫn khoa học: **1. PGS,TS Nguyễn Huy Oánh**
2. PGS,TS Phạm Quốc Trung

Phản biện 1: **GS.TS Mai Ngọc Cường**
Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Phản biện 2: **PGS,TS Phạm Viết Muôn**
Văn phòng Chính phủ

Phản biện 3: **PGS,TS Trần Đình Thiên**
Viện Kinh tế Việt Nam

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước họp tại Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

Vào hồi giờ ngày tháng năm 2009

Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Th.S Phạm Thị Huyền (2004), "Thực trạng và giải pháp thúc đẩy cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở Hải Phòng", *Kinh tế và Dự báo*, (2), tr.29- 30.
2. Th.S. Phạm Thị Thúy- Th.S. Phạm Thị Huyền (2006), "Một số vấn đề lý luận về thị trường chứng khoán và sự cần thiết phát triển thị trường chứng khoán ở Việt Nam hiện nay", *Tổng quan khoa học Đề tài cấp Bộ năm 2005 Thị trường dịch vụ tài chính ở Việt Nam- Một số vấn đề lý luận và thực tiễn"*, Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
3. Th.S. Phạm Thị Huyền (2007), "Cạnh tranh kinh tế- nhìn từ góc độ kinh điển", *Sinh hoạt lý luận*, số 2 (81), tr.16- 18.
4. Th.S. Phạm Thị Huyền (2007), "Thực trạng và giải pháp nâng cao sức cạnh tranh của các công ty cổ phần từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở Hải Phòng"*, Kinh tế và Phát triển*, (119), tr.49- 51.
5. PGS.TS. Nguyễn Huy Oánh- TH.S. Phạm Thị Huyền (2007), *"*Một giải pháp quan trọng thúc đẩy tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở nước ta"*, Thương mại*, (25), tr.5- 6.
6. Th.S. Phạm Thị Huyền (đồng tác giả) (2008), *Thị trường dịch vụ tài chính Việt Nam trong quá trình hội nhập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế đã và đang đặt nền kinh tế nước ta trước rất nhiều sức ép và thách thức. Vấn đề có tính chất quyết định với nền kinh tế nước ta hiện nay là nâng cao nội lực, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, trong đó việc nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp (DN) đặc biệt quan trọng. Bởi lẽ, DN là chủ thể trực tiếp thực hiện việc sản xuất hàng hóa và tham gia vào cạnh tranh kinh tế quốc tế. Là tế bào của nền kinh tế, sức cạnh tranh của DN tạo cơ sở cho năng lực cạnh tranh quốc gia và khi DN có sức cạnh tranh cao mới sản xuất được những hàng hóa có năng lực cạnh tranh tốt.

Doanh nghiệp ra đời từ cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước (DNRĐTCPHNNN) nằm trong hệ thống DN nói chung của nền kinh tế quốc dân, cho nên cũng đang đứng trước đòi hỏi sức cạnh tranh phải được nâng cao hơn nữa. Ngoài những lý do cần thiết phải nâng cao sức cạnh tranh như các DN nói chung, việc nâng cao sức cạnh tranh của DNRĐTCPHDNNN còn là yêu cầu cấp bách trong giai đoạn hiện nay. Bởi lẽ, mặc dù những năm qua được Đảng và Nhà nước tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, đa số các DNRĐTCP HDNNN đã nỗ lực vươn lên, có nhiều đóng góp quan trọng cho nền kinh tế, hiệu quả sản xuất kinh doanh (SXKD) tăng, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động... nhưng nhìn chung sức cạnh tranh của các DN còn hạn chế. Bên cạnh đó, cũng còn không ít DNRĐTCPHDNNN hoạt động kém hiệu quả, sản xuất hàng hóa không có lợi thế cạnh tranh dẫn đến năng lực cạnh tranh sút kém, đứng trước nguy cơ phá sản, gây tác động xấu đến các vấn đề kinh tế- xã hội (KT- XH), ảnh hưởng đến mục tiêu, tiến độ CPH DNNN và làm mất niềm tin của xã hội, cũng như các DNNN thuộc đối tượng CPH về tương lai của các DN sau CPH.

Vì vậy, sức cạnh tranh của các DNRĐTCPHDNNN được nâng cao không chỉ quyết định sự sống còn, phát triển của DN, góp phần nâng cao sức cạnh tranh của cả hệ thống DN và nền kinh tế, mà nó còn có vai trò quan trọng trong việc minh chứng sự đúng đắn của chủ trương CPH DNNN và giúp tiến trình này thực sự đạt mục tiêu mà Đảng và Nhà nước đã đề ra. Qua đó, nó còn tạo niềm tin, động viên, khích lệ các DNNN thuộc đối tượng CPH tin tưởng vào tương lai của DN cổ phần; thúc đẩy các DN này tích cực, mạnh dạn tham gia tiến trình CPH DNNN.

Nằm trong tình hình chung của cả nước, việc nâng cao sức cạnh tranh của các DNRĐTCPHDNNN ở Hải Phòng cũng đang là đòi hỏi bức thiết. Trước yêu cầu đó, hơn lúc nào hết, việc đánh giá thực trạng sức cạnh tranh của các DNRĐTCPHDNNN ở Hải Phòng thời gian qua và tìm ra những giải pháp thích hợp để nâng cao sức cạnh tranh của các DN này trong thời gian tới là việc làm hết sức cần thiết.

Vì thế, ***"Nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp ra đời từ cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước ở Hải Phòng"*** được chọn làm đề tài của luận án này.

2. Tình hình nghiên cứu

Ở nước ta, đã có nhiều công trình nghiên cứu về các vấn đề về năng lực cạnh tranh quốc gia, DN và hàng hóa, dịch vụ:

- **Về sách chuyên khảo** có thể nêu: "*Nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế nước ta trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế"* do GS.TS Chu Văn Cấp chủ biên, NXB Chính trị Quốc gia- 2003. *"Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia"* của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương với sự tài trợ của chương trình phát triển Liên hợp quốc- NXB Giao thông Vận tải- 2003; "*Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong điều kiện toàn cầu hoá"* của Trần Sửu- NXB Lao động- 2006; *"Cạnh tranh kinh tế"* của PGS.TS Trần Văn Tùng- NXB Thế giới- Hà Nội- 2004; *"Nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp thương mại Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế"* của TS. Nguyễn Vĩnh Thanh- NXB Lao động- Xã hội, Hà Nội- 2005. Các

công trình nghiên cứu trên đi sâu nghiên cứu về cạnh tranh, năng lực cạnh tranh quốc gia, năng lực cạnh tranh DN trong thời kỳ hội nhập kinh tế.

- **Trên các tạp chí** cũng đã đăng tải khá nhiều bài viết về cạnh tranh DN. Những bài viết này chủ yếu bàn về tính tất yếu phải nâng cao sức cạnh tranh của DN, thực trạng sức cạnh và những giải pháp nâng cao sức cạnh tranh của DN Việt Nam trong thời gian tới.

Đã có một số bài viết về các DNNN sau CPH, như: *"Một số kiến nghị nhằm thúc đẩy sự phát triển doanh nghiệp sau cổ phần hoá"- "Kinh tế và dự báo"* số 9/2002; *"Một số vấn đề của doanh nghiệp sau cổ phần hoá và giải pháp tháo gỡ"- "Kinh tế và phát triển"* số 61/2002, của ThS. Nguyễn Hoàng Anh; *"DNNN sau cổ phần hoá: Kết quả, bất cập và hướng tháo gỡ"*- TS.Nguyễn Thị Thơm-*"Kinh tế và phát triển"* số 73/2003; *"Trăm mối lo hậu cổ phần hoá"*- Ninh Kiều- *"Thời báo kinh tế"*, 15/11/2004; *"Các ưu đãi đối với DNNN CPH, chuyển đổi sở hữu và cách thức vận dụng"*- Vũ Xuân Thuyên -*Kinh tế và dự báo*- Số 5/2001... Nhìn chung, các bài trên đã đánh giá tình hình, kết quả hoạt động của các DN sau CPH, những bất cập nảy sinh và đề xuất một số kiến nghị, giải pháp, hướng tháo gỡ và quan tâm nhiều đến quan hệ giữa các cơ quan nhà nước với DN trong việc xử lý nợ, tài sản nhà nước; quản trị và điều hành DN; giải quyết lao động dôi dư; vấn đề chuyển nhượng cổ phần…

- Luận án cũng đã dẫn ra 1 luận án tiến sĩ và 3 luận văn thạc sĩ viết về cạnh tranh kinh tế và năng lực cạnh tranh của DN.

Tuy nhiên nghiên cứu về nâng cao sức cạnh tranh của DNRĐT CPHDNNN nói chung và ở thành phố Hải Phòng nói riêng thì không nhiều và chưa có công trình nào trùng với đề tài luận án này.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

- ***Mục đích nghiên cứu***:

Thông qua nghiên cứu cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn của việc nâng cao sức cạnh tranh của DN (trong đó có DNRĐTCPHDNNN) và trên cơ sở đánh giá thực trạng sức cạnh tranh của các DNRĐTCPHDNNN ở Hải Phòng, luận án đề xuất phương hướng, giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao sức cạnh tranh của DNRĐTCPHDNNN ở Hải Phòng trong thời gian tới.

- ***Nhiệm vụ nghiên cứu***:

+ Vận dụng lý luận về cạnh tranh, để luận chứng sự cần thiết nâng cao sức cạnh tranh của DNRĐTCPHDNNN trong cả nước nói chung và ở Hải Phòng nói riêng.

+ Phân tích và đánh giá thực trạng sức cạnh tranh của các DNRĐTCPH DNNN ở Hải Phòng, từ đó tìm ra tồn tại, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra cần giải quyết trong thời gian tới.

+ Xác định phương hướng và đề xuất những giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao sức cạnh tranh của DNRĐTCPHDNNN ở Hải Phòng trong thời gian tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

- Đối tượng nghiên cứu: Luận án nghiên cứu về sức cạnh tranh và việc nâng cao sức cạnh tranh của các DNRĐTCPHDNNN ở Hải Phòng.

- Phạm vi nghiên cứu: Khảo sát các DNRĐTCPHDNNN ở Hải Phòng giai đoạn 2000- 2006, bao gồm cả DN do UBND thành phố quản lý và DN thuộc Bộ, ngành Trung ương đóng trên địa bàn thành phố- trong đó, luận án chỉ tập trung khảo sát các DNRĐTCPHDNNN có vốn nhà nước bằng hoặc nhỏ hơn 50% vốn điều lệ, vì theo số liệu thống kê thì số DN này chiếm tỷ lệ 60,3% trong khi các DNRĐTCPHDNNN có vốn nhà nước > 50% (được xếp vào khối DNNN) và nó cùng với nhóm DNRĐTCPHDNNN không có vốn nhà nước (thống kê của Cục Thống kê thành phố Hải Phòng xếp vào các CTCP từ nguồn gốc khác) chỉ chiếm tỷ lệ 39,7%.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp luận của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử, đồng thời vận dụng các phương pháp đặc trưng của Kinh tế chính trị, như: trừu tượng hoá khoa học, kết hợp logic với lịch sử và một số phương pháp khác như: phương pháp thống kê, phương pháp so sánh, định lượng...

6. Đóng góp khoa học của luận án

- Luận án làm rõ thêm khái niệm, tiêu chí phản ánh và các nhân tố ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của DN trong nền kinh tế thị trường, làm rõ các đặc trưng của DNRĐTCPHDNNN, những vấn đề cơ bản về sức cạnh tranh và việc nâng cao sức cạnh tranh của DNRĐTCPH DNNN; so sánh sức cạnh tranh của nó với trước khi DN CPH, với DNNN và DN tư nhân.

- Khảo sát thực tiễn nâng cao sức cạnh tranh của DNRĐTCPHDNNN ở một số địa phương trong nước, rút ra bài học kinh nghiệm để Hải Phòng tham khảo.

- Phân tích, đánh giá những kết quả tích cực, những hạn chế về sức cạnh tranh và thực trạng các DNRĐTCPHDNNN khai thác các nhân tố ảnh hưởng nhằm nâng cao sức cạnh tranh của DN giai đoạn 2000-2006 (so sánh với DN trước CPH, với DNNN và DN tư nhân), từ đó đề xuất những phương hướng và giải pháp chủ yếu để nâng cao sức cạnh tranh của các DNRĐTCPHDNNN ở Hải Phòng trong thời gian tới.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và các phụ lục, nội dung luận án gồm 3 chương với 8 tiết.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC NÂNG CAO SỨC CẠNH TRANH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP RA ĐỜI TỪ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

1.1. Những vấn đề lý thuyết chung về cạnh tranh và sức cạnh tranh của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường

1.1.1. Cạnh tranh và sức cạnh tranh của doanh nghiệp

Trong từng thời kỳ, các nhà nghiên cứu có nhiều cách hiểu, quan niệm khác nhau về cạnh tranh kinh tế. Cạnh tranh không chỉ mang tính chất kinh tế đơn thuần mà còn mang tính chất xã hội và tính chất chính trị. Cạnh tranh vừa bao hàm mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực, nhưng mặt tích cực vẫn là chính và hết sức quan trọng.

Năng lực cạnh tranh của một quốc gia thường được đánh giá ở ba phương diện cơ bản: quốc gia; DN và hàng hoá, dịch vụ, trong đó năng lực cạnh tranh của DN có vai trò đặc biệt quan trọng. Có nhiều cách hiểu khác nhau về sức cạnh tranh DN, tổng hợp lại có thể quan niệm *sức cạnh tranh của DN chính là sự phát triển của nó trước các đối thủ cạnh tranh (nhất là trong việc chiếm lĩnh thị trường, tăng lợi nhuận).*

1.1.2- Các tiêu chí chủ yếu phản ánh sức cạnh tranh của DN là: (i) hiệu quả SXKD; (ii) thị phần của DN trên thị trường.

1.1.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của DN. (i) những nhân tố thuộc về bản thân DN có: chiến lược kinh doanh của DN; nguồn nhân lực; trình độ công nghệ; quy mô vốn; năng lực quản lý, điều hành DN; (ii) những nhân tố bên ngoài DN là: môi trường kinh doanh và thể chế kinh tế .

1.2. Doanh nghiệp ra đời từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và việc nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp ra đời từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

1.2.1. Đặc trưng của DNRĐTCPHDNNN và sức cạnh tranh của DNRĐTCPHDNNN.

1.2.1.1. Những đặc trưng cơ bản của DNRĐTCPHDNNN: (i) Từ DN một chủ sở hữu duy nhất là Nhà nước trở thành DN nhiều chủ sở hữu; (ii) do tách quyền sở hữu pháp lý với quyền chiếm hữu thực tế và quyền sử dụng TLSX nên cũng tách quyền quản lý nhà nước với quyền quản lý doanh nghiệp; (iii) quan hệ phân phối trong DN vừa theo kết quả lao động vừa theo lợi tức cổ phần.

Do có nhiều cách thức, cấp độ CPH nên DNRĐTCPHDNNN chia thành 3 loại hình: CTCP Nhà nước nắm cổ phần chi phối trên 50%; CTCP có vốn Nhà nước bằng hoặc nhỏ hơn 50% vốn điều lệ và CTCP không có vốn nhà nước.

1.2.1.2. Sức cạnh tranh của DNRĐTCPHDNNN

DNRĐTCPHDNNN có đầy đủ đặc điểm, tính chất của chủ thể kinh doanh của nền kinh tế thị trường, nằm trong hệ thống DN của nền kinh tế quốc dân và hoạt động trong một môi trường thống nhất cùng với các loại hình DN khác. Do vậy, sức cạnh tranh của DNRĐT CPHDNNN cũng như các loại hình DN khác, được phản ánh qua hai tiêu chí chủ yếu là: hiệu quả SXKD của DN và thị phần của DN trên thị trường. Về cơ bản, những nhân tố ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của DN nói chung cũng là những nhân tố ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của các DNRĐTCPHDNNN. Tuy nhiên, do những đặc trưng riêng có của loại hình DN này mà ảnh hưởng của các nhân tố đó có sự khác biệt với các hình thức DN khác, nhất là khác với DNNN là tiền thân của nó. Điều đó được thể hiện cụ thể như sau: (i) *về chiến lược kinh doanh:* DN có lợi thế về cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, cơ chế hoạt động nên có điều kiện để xây dựng chiến lược kinh doanh đúng đắn. Tuy nhiên, nếu bộ máy lãnh đạo DN ít đổi mới, vẫn duy trì lối tư duy cũ mòn, thì việc xây dựng chiến lược kinh doanh của DN đó sẽ nhiều hạn chế; (ii) *về nguồn nhân lực:* lợi thế từ kế thừa có chọn lọc đội ngũ lao động của DNNN trước đó và có khả năng thu hút nguồn nhân lực mới có chất lượng cao; người lao động có cổ phiếu nên có động lực kinh tế mạnh mẽ, vì thế NSLĐ tăng. Tuy nhiên, cũng có không ít DN gặp khó khăn khi giải quyết lao động dôi dư, đàm phán lại hợp đồng hay cơ cấu lại lực lượng lao động. Cổ đông là người lao động chưa thực hiện đúng vai trò, quyền hạn của mình; (iii) *về trình độ công nghệ:* có ưu thế nhất định về vị trí, cơ sở vật chất do kế thừa từ DNNN; huy động được vốn, DN có điều kiện đổi mới thiết bị, công nghệ; người lao động có động lực tích cực phát huy sáng kiến, cải tiến lỹ thuật; DN có nhiều cơ hội tiếp nhận công nghệ tiên tiến. Tuy nhiên, DN cũng gặp nhiều khó khăn do phải kế thừa những máy móc, thiết bị, nhà xưởng cũ kỹ, lạc hậu từ DNNN. Nhiều DN do quy mô vốn nhỏ, sau CPH lại không huy động, thu hút được thêm vốn nên không có khả năng đổi mới công nghệ; (iv) *về quy mô vốn tài chính:* tình hình tài chính đã được làm trong sạch, lành mạnh, có khả năng thu hút vốn qua nhiều con đường khác nhau; quản lý, sử dụng vốn tiết kiệm, hiệu quả hơn. Tuy nhiên, DN khó tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, vốn vay ngân hàng; (v) v*ề năng lực quản lý, điều hành:* với cơ cấu tổ chức có sự phân công, phân cấp, giám sát lẫn nhau chặt chẽ và sử dụng những người lãnh đạo có năng lực... DN có sự đổi mới trong công tác quản trị DN. DN có thể thuê giám đốc điều hành, chế độ thưởng hoặc sa thải đã tạo được "luồng sinh khí" mới cho DN. Tuy nhiên còn những DN chưa được tổ chức, quản lý, hoạt động theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, bộ máy lãnh đạo DN chưa đổi mới; còn nhiều vướng mắc trong quan hệ giữa Nhà nước với DN; giữa Hội đồng quản trị và Ban giám đốc. *Ngoài ra, về phía môi trường kinh doanh, thể chế kinh tế:* sức cạnh tranh của các DNRĐTCPHDNNN không chỉ chịu sự tác động của các yếu tố thuộc về môi trường kinh doanh giống như các DN nói chung, mà còn chịu ảnh hưởng của những chủ trương, chính sách Nhà nước ban hành cho tiến

trình CPH và các DNRĐTCPHDNNN. Đồng thời, sự thay đổi trong mối quan hệ giữa Nhà nước với DN sau CPH cũng tác động rất nhiều đến sức cạnh tranh của các DN này.

1.2.2. Sự cần thiết nâng cao sức cạnh tranh của DNRĐT CPHDNNN

Hiện nay, việc nâng cao sức cạnh tranh của các DN ở nước ta hết sức cần thiết, bởi các lý do sau đây: *Một là,* do tác động của toàn cầu hoá kinh tế. *Hai là,* ở nước ta, sức cạnh tranh của nền kinh tế, DN và hàng hóa còn rất yếu. *Ba là,* sức cạnh tranh của các DN là nhân tố quyết định năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. *Bốn là,* do yêu cầu bức thiết cần được đổi mới của các DN.

Ngoài những lý do cần thiết phải nâng cao sức cạnh tranh của DNRĐTCPHDNNN như các DN nói chung, việc nâng cao sức cạnh tranh của các DN này còn thật sự trở nên cấp bách: *Một là,* nó không chỉ quyết định sự sống còn, phát triển của bản thân mỗi DN, mà còn góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho cả hệ thống DN, cho nền kinh tế nói chung. *Hai là,* có ý nghĩa minh chứng sự đúng đắn cho một chủ trương CPH DNNN của Đảng và Nhà nước, khích lệ các DNNN thuộc đối tượng CPH tích cực tham gia CPH DNNN. *Ba là,* sức cạnh tranh của các DNRĐTCPHDNNN mà Nhà nước nắm trên 50% vốn điều lệ được nâng cao còn có vai trò củng cố hệ thống DNNN.

1.3. Kinh nghiệm nâng cao sức cạnh tranh các doanh nghiệp ra đời từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở một số tỉnh, thành phố trong nước

1.3.1. Kinh nghiệm từ những mô hình nâng cao sức cạnh tranh của DNRĐTCPHDNNN thành công: (i) Những DNRĐTCPH DNNN nào có chiến lược kinh doanh đúng đắn, thay đổi phương thức quản lý, huy động thêm vốn, đổi mới công nghệ, xây dựng lại quy chế tài chính, lao động, đa dạng hoá sản phẩm, cải tiến chất lượng mẫu mã, xây dựng được thương hiệu uy tín trên thị trường trong nước và thị trường ngoài nước thì đều tăng sức cạnh tranh, đạt hiệu quả kinh doanh cao; (ii) Sự quan tâm của chính quyền địa phương phải sát sao cả trước, trong và sau CPH.

1.3.2. Bài học từ những mô hình không thành công: (i) Quy mô DNRĐTCPH DNNN nhỏ, khó thu hút thêm vốn, không đổi mới được công nghệ, chưa tích cực đổi mới trong công tác quản trị; (ii) phương án CPH không chặt chẽ, chính xác thì không được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, nên chưa thể chuyển sang CTCP và đi vào hoạt động được. Hoặc địa phương còn thiếu kinh nghiệm quản lý đối với loại hình DN này cũng gây cản trở không nhỏ đến việc nâng cao sức cạnh tranh của DN.

Chương 2

THỰC TRẠNG SỨC CẠNH TRANH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP RA ĐỜI TỪ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC Ở HẢI PHÒNG GIAI ĐOẠN 2000- 2006

2.1. Thực trạng sức cạnh tranh của các doanh nghiệp ra đời từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở Hải Phòng

2.1.1. DNRĐTCPHDNNN ở Hải Phòng với những tác động từ điều kiện tự nhiên- kinh tế-xã hội của thành phố

Tính đến 31/12/2006, ở Hải Phòng đã có 131 DNRĐTCPH DNNN với cả 3 loại hình, được nêu trong bảng 2.1.

***Bảng 2.1*: Số DNRĐTCPHDNNN ở Hải Phòng có đến 31/12/2006**

Đơn vị tính	Tổng số	CTCP Nhà nước nắm cổ phần chi phối trên 50%	CTCP có vốn nhà nước ≤50% vốn điều lệ	CTCP không có vốn nhà nước
DN	131	42	79	10
%	100	32,06	60,3	7,64

Nguồn: Số liệu do tác giả luận án tổng hợp từ nguồn của Ban chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp thành phố Hải Phòng và Cục Thống kê thành phố Hải Phòng.

Xét về điều kiện tự nhiên- kinh tế-xã hội của Hải Phòng có khá nhiều thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của DNRĐTCPHDNNN (Xem phụ lục trong luận án). Để nâng cao sức cạnh tranh, DN phải biết khai thác những lợi thế so sánh của thành phố.

2.1.2. Những kết quả tích cực về sức cạnh tranh của các DNRĐTCPH DNNN ở Hải Phòng: (i) Hiệu quả kinh doanh: khoảng gần 80% - 90% DN hoạt động hiệu quả hơn so với trước khi CPH (Xem bảng 2.2 trong luận án). Kết quả hoạt động SXKD của DNRĐTCPH DNNN (từ 1 năm trở lên) thuộc UBND thành phố quản lý (bao gồm cả ba loại hình) đã có hiệu quả SXKD cao hơn so với trước khi CPH được nêu trong bảng 2.3.

Bảng 2.3: **Kết quả hoạt động SXKD các DNRĐTCPHDNNN của Hải Phòng (từ 1 năm trở lên)**

Đơn vị: Triệu đồng

	Năm trước CPH	Năm 2006
Doanh thu	2.664.609	3.038.951
Lợi nhuận sau thuế	-11.428,52	93.084,36
Nộp ngân sách	98.304	165.978

Nguồn: Chi cục Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính Hải Phòng.

Các chỉ tiêu lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận, hiệu suất tài sản cố định, suất tiêu hao tài sản cố định của các CTCP có vốn nhà nước ≤50% vốn điều lệ trung bình từ năm 2000- 2006 cho thấy các DN này hoạt động hiệu quả hơn DNNN và DN tư nhân. Tuy nhiên, tỷ lệ nộp ngân sách trên vốn kinh doanh và trang bị tài sản cố định của các CTCP có vốn nhà nước ≤50% vốn điều lệ còn ở mức thấp.

2.1.2.2. Thị phần của DNRĐTCPHDNNN trên thị trường.

Nhiều DNRĐTCPHDNNN đã tăng thị phần như CTCP Giấy Hải Phòng, CTCP Sơn Hải Phòng, CTCP nhựa Thiếu niên Tiền phong... Thị phần mở rộng nên doanh thu của các DNRĐTCPHDNNN đã tăng. Thống kê kết quả hoạt động của 85 DNRĐTCPH DNNN thuộc UBND thành phố Hải Phòng quản lý được nêu trong bảng 2.3 cho thấy, tổng doanh thu của các DN này năm trước CPH là 2.664.609 triệu đồng, đến năm 2006 đã đạt 3.038.951 triệu đồng, tăng 14%. Có được kết quả như vậy là do đa số DNRĐTCPH DNNN đã từng bước nâng cao sức cạnh tranh cho các hàng hoá- dịch vụ mà DN kinh doanh. Điều đó thể hiện ở chất lượng, mẫu mã, giá cả, các dịch vụ trước, trong và sau bán hàng ngày càng tốt hơn, hoàn thiện hơn nên được người tiêu dùng chấp nhận.

2.1.3. Những hạn chế về sức cạnh tranh của các DNRĐT CPHDNNN ở Hải Phòng

Mỗi năm vẫn còn khoảng từ 10- 20% DNRĐTCPHDNNN bị lỗ vốn và 3 năm gần đây tình trạng đó có xu hướng tăng. Bên cạnh đó, mức lỗ bình quân/ DN cũng có sự tăng cao vào năm 2004 và 2005 (Xem bảng 2.11 trong luận án). Số DNRĐTCPHDNNN hoạt động hiệu quả, như đã phân tích trong mục 2.1.2.1, mặc dù kinh doanh có lãi, sức cạnh tranh cao hơn so với trước CPH, cũng như so với khu vực DNNN và DN tư nhân trên địa bàn thành phố, nhưng hiệu quả kinh doanh đó cũng còn rất thấp, mức lợi nhuận chưa cao. Thị phần của doanh nghiệp nhỏ bé, tăng chậm. Nhiều DN đứng trước nguy cơ bị mất thị trường, nhất là những DN SXKD bị lỗ. Nguyên nhân do sức cạnh tranh của hàng hóa mà DN kinh doanh còn rất thấp: sản phẩm đơn điệu, mẫu mã chưa phù hợp, chất lượng kém, giá thành cao. Các DN còn thờ ơ với việc xây dựng hình ảnh DN, chưa chú ý đến các dịch vụ mang lại sự tiện ích cho người tiêu dùng.

2.2. Thực trạng khai thác và sử dụng các nhân tố ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của doanh nghiệp ra đời từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở Hải Phòng: (i) Hoàn thiện chiến lược kinh doanh; (ii) Gia tăng vốn đầu tư, mở rộng quy mô doanh nghiệp; (iii) Tận dụng nguồn nhân lực; (iv) Tiếp thu và ứng dụng công nghệ mới; (v) Cải tiến quản lý doanh nghiệp; (vi) Hoàn thiện môi trường kinh doanh và thể chế kinh tế.

2.3. Đánh giá chung và những vấn đề đặt ra đối với yêu cầu nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp ra đời từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở Hải Phòng

2.3.1. Đánh giá chung: (i) Kết quả tích cực và nguyên nhân: Hiệu quả SXKD của DN được nâng cao; thị phần của DN được mở rộng do hàng hoá mà DN kinh doanh đã có sức cạnh tranh cao hơn. Do: sự thay đổi trong quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất; sự thay đổi tích cực trong cách thức tổ chức, quản lý, quan hệ phân phối và môi trường kinh doanh từng bước được hoàn thiện, thống nhất. (ii) Hạn chế và nguyên nhân: còn không ít DN hiệu quả sản xuất bị giảm sút so với trước khi CPH; nhiều sản phẩm còn yếu kém về chất lượng, mẫu mã, giá thành cao. Thị phần của DN còn nhỏ bé, chưa xâm nhập được thị trường nước ngoài. Do: DN chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư bên ngoài; nhân sự bộ máy quản lý và phương thức điều hành DN ít đổi mới; không tạo được động lực người lao động nâng cao NSLĐ; một số nội dung chính sách chưa được thể chế hoá, triển khai còn chậm, việc quản lý phần vốn nhà nước tại DN chưa đảm bảo tính thống nhất.

2.3.2. Những vấn đề đặt ra đối với yêu cầu nâng cao sức cạnh tranh của DNRĐTCPHDNNN ở Hải Phòng

* *Về phía DN*: (i) coi trọng xây dựng chiến lược kinh doanh hữu hiệu; (ii) nâng cao chất lượng đội ngũ lao động; (iii) tranh thủ ứng dụng công nghệ mới; (iv) mở rộng quy mô DN, tăng nguồn vốn tài chính và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn; (v) tiếp tục cải tiến quản lý, điều hành DN, xoá bỏ tình trạng "bình mới, rượu cũ" của bộ máy lãnh đạo.

* *Về phía Nhà nước:*(i) ban hành và bổ sung kịp thời chính sách về "hậu CPH"; (ii) xoá bỏ sự phân biệt đối với DN trong việc vay vốn ngân hàng, khoanh nợ, dãn nợ, miễn giảm thuế, đầu tư xây dựng, giao đất, thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất...; (iii) thống nhất cao trong quan điểm, nhận thức về quản lý DNRĐT CPHDNNN.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẰM NÂNG CAO SỨC CẠNH TRANH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP RA ĐỜI TỪ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC Ở HẢI PHÒNG

3.1. Phương hướng nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp ra đời từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở Hải Phòng từ nay đến 2015: (i) Dự báo môi trường cạnh tranh của các DNRĐTCPHDNNN ở Hải Phòng trong thời gian tới; (ii) Phương hướng nâng cao sức cạnh tranh sức của các DNRĐTCPH DNNN ở Hải Phòng: ***Đối với loại hình DNRĐTCPHDNNN mà Nhà nước nắm cổ phần chi phối (trên 50% vốn điều lệ):*** thay đổi tổ chức và con người trong bộ máy quản lý, khắc phục tình trạng "bình mới, rượu cũ"; đại diện sở hữu nhà nước nâng cao năng lực quản lý, điều hành; lãnh đạo DN cần khai thông, tận dụng tính linh hoạt của DN cổ phần. ***Đối với loại hình DNRĐTCPHDNNN mà Nhà nước không nắm cổ phần chi phối:*** Nhà nước can thiệp hệu quả trên cơ sở cổ phần của mình và tận dụng tốt vai trò đòn bẩy, can thiệp xúc tác đến cổ đông phi nhà nước; có chế tài thanh tra, kiểm tra về quyền và nghĩa vụ của cổ đông có cổ phiếu ưu đãi biểu quyết; DN tận dụng tốt lợi thế của cổ đông nhà nước và sử dụng hiệu quả cổ đông phi nhà nước; ***Đối với loại hình DNRĐTCPHDNNN mà Nhà nước không nắm cổ phần:*** tăng cường quản lý vĩ mô , công tác giám sát của Nhà nước; phía DN có dự báo tốt các chiến lược về thị trường, sản phẩm...

3.2. Những giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp ra đời từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở Hải Phòng từ nay đến 2015

3.2.1. Nhóm giải pháp về phía DNRĐTCPHDNNN

3.2.1.1- Tập trung xây dựng chiến lược cạnh tranh: (i) xác định mục tiêu phát triển dài hạn cho DN. (ii) phân tích tình hình nội bộ DN. (iii) phân tích môi trường kinh doanh bên ngoài DN; (iv) DN xác định hướng đi của mình và cụ thể hóa thông qua các quan điểm, mục tiêu chiến lược. (v) dự tính các khả năng và giải pháp chiến lược; (vi) lựa chọn chiến lược.

3.2.1.2. Tiếp tục giải quyết vấn đề sở hữu và xác định rõ hơn vai trò chủ sở hữu trong các DNRĐTCPHDNNN: (i) tạo tiền đề cho những DNRĐTCPHDNNN trong thời gian sắp tới đi vào hoạt động đạt các mục tiêu dự kiến, tiến trình CPH DNNN tiếp tục tiến hành hiện nay phải đảm bảo khuynh hướng đa sở hữu; (ii) đối với DNRĐT CPHDNNN: phát huy ưu thế của loại hình DN cổ phần; khắc phục tình trạng CPH khép kín trong nội bộ DN; DN cần phải xác định rõ hơn quyền lợi và trách nhiệm của các chủ sở hữu trong DN.

3.2.1.3.Đổi mới cơ chế quản lý và cách thức điều hành DNRĐTCPH DNN: Khắc phục tình trạng "bình mới rượu cũ"; điều hành DN đúng với mô hình CTCP; sử dụng đúng và hết thẩm quyền do Luật và Điều lệ công ty quy định; giải quyết mối quan hệ giữa Nhà nước, các cơ quan nhà nước với DN.

3.2.1.4. Thực hiện tốt quan hệ phân phối trong các DNRĐTCPHDNNN: (i) khắc phục tình trạng "CPH khép kín"; (ii) giúp người lao động mua hết số cổ phần ưu đãi và có biện pháp bảo vệ cổ phần của người lao động lâu dài; (iii) hướng dẫn cho các cổ đông, đặc biệt các cổ đông là người lao động hiểu rõ về cách chia cổ tức, chính sách của công ty về vấn đề này; (iv) chú ý tới các hình thức phân phối từ các quỹ tiêu dùng công cộng; (v) củng cố, phát triển các tổ chức, đoàn thể và ý thức làm chủ của người lao động.

3.2.1.5. Nhanh chóng huy động vốn, đổi mới công nghệ, mở rộng thị trường: (i) *về vấn đề huy động vốn:* tích cực chuẩn bị đủ điều kiện tham gia thị trường chứng khoán; tiếp tục CPH phần vốn của Nhà nước ở những DN mà Nhà nước không nhất thiết phải nắm cổ phần chi phối; kêu gọi vốn của cổ đông để thực hiện dự án; sử dụng vốn hiệu quả; (ii) *về việc đổi mới công nghệ:* đầu tư vào việc đổi mới kỹ thuật, công nghệ; đẩy mạnh liên doanh, liên kết; mạnh dạn, chủ động trong đầu tư chiều sâu, áp dụng thương mại điện tử; (iii) *về*

*việc mở rộng thị trường:*cần chú trọng xây dựng chiến lược thị trường đúng đắn; lựa chọn chiến lược marketing phù hợp.

3.2.1.6. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: (i) khi tiến hành CPH, DN rà soát lại đội ngũ lao động, giải quyết lao động dôi dư khắc phục tình trạng "vừa thừa, vừa thiếu" lao động sau này; (ii) lập kế hoạch dài hạn về nhân lực; (iii) nhìn nhận nghiêm túc và đầu tư đúng mức cho việc tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực lâu dài cho DN; (iv) xây dựng văn hoá DN; (v) tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức của người lao động về tác động của cạnh tranh kinh tế; (vi) có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, kỹ sư, công nhân có trình độ cao để tiếp cận với nền kinh tế tri thức trong tương lai.

3.2.2. Nhóm giải pháp về phía Nhà nước

3.2.2.1. Bổ sung, hoàn thiện chính sách kinh tế của Nhà nước nhằm tạo môi trường thống nhất, thuận lợi cho các DNRĐTCPH DNNN nâng cao sức cạnh tranh: (i) tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Luật Doanh nghiệp; (ii) xử lý nợ tồn đọng, lành mạnh hoá, minh bạch hoá tài chính DN; (iii)

giải quyết vướng mắc trong mối quan hệ Nhà nước và DN; (iv) nắm được thực trạng quản lý phần vốn nhà nước tại các DN, thiết lập một chính sách chung để hướng dẫn quản lý các DNRĐTCPHDNN; (v) phát triển thị trường chứng khoán.

3.2.2.2. Chính quyền thành phố Hải Phòng cần sớm hoàn thiện môi trường kinh doanh cho các DNRĐTCPHDNNN hoạt động, nâng cao sức cạnh tranh: (i) tiếp tục kiện toàn Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp thành phố, thành lập một tổ chuyên trách thường xuyên nghiên cứu, phát hiện các vấn đề nảy sinh trong quá trình hoạt động của DN; (ii) tăng cường tổ chức toạ đàm, tập huấn về quản lý DN sau CPH DNNN cho lãnh đạo DNRĐTCPHDNNN; (iii) bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về kinh tế thị trường cho cán bộ lãnh đạo DNRĐTCPH DNNN; (iv) tổ chức tốt việc tuyên truyền pháp luật; (v) tổ chức tập huấn cho người lao động, lãnh đạo DN về quyền và nghĩa vụ của cổ đông; (vi) giải quyết vấn đề lao động dôi dư của các DN; (vii) gặp gỡ với DN, nghe ý kiến của DN, qua đó cải thiện môi trường kinh doanh; (viii) biểu dương, tôn vinh các DNRĐTCPH DNNN làm ăn hiệu quả, có sức cạnh tranh cao; phổ biến những bài học kinh nghiệm; (ix) giúp các DNRĐTCPH DNNN sắp tới đi vào hoạt động hiệu quả, Hải Phòng tiếp tục thực hiện tốt việc CPH DNNN.

KẾT LUẬN

CPH DNNN là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, nhằm đổi mới, sắp xếp lại và nâng cao hiệu quả hoạt động của các DNNN. Đồng thời, chủ trương này cũng nhằm cơ cấu lại sở hữu ở những DNNN mà Nhà nước không nhất thiết nắm giữ 100% vốn đầu tư. Sau hơn mười lăm năm thực hiện tiến trình này, ở nước ta ra đời loại hình DNRĐTCPHDNNN và đã đặt ra rất nhiều vấn đề về "hậu CPH". Trong đó, đặc biệt nổi lên vấn đề sức cạnh tranh của các DN này. Nhằm giúp các DNRĐTCPH DNNN ở Hải Phòng nâng cao sức cạnh tranh, luận án đã chọn nội dung này để nghiên cứu. Qua nghiên cứu việc nâng cao sức cạnh tranh của loại hình DN này ở Hải Phòng, luận án rút ra một số kết luận sau đây:

1. Cạnh tranh có vai trò to lớn trong nền kinh tế thị trường. Nó vừa bao hàm mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực nhưng mặt tích cực vẫn là chính và hết sức quan trọng. Trong năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, 3 cấp độ cạnh tranh: quốc gia, DN và hàng hóa, dịch vụ có quan hệ mật thiết với nhau, tạo điều kiện cho nhau, chế định và phụ thuộc lẫn nhau, trong đó sức cạnh tranh của DN có vai trò đặc biệt quan trọng. Còn nhiều ý

kiến khác nhau, song nhìn chung các quan điểm đều cho rằng sức cạnh tranh của DN là thể hiện thực lực và lợi thế của DN so với các đối thủ cạnh tranh trong việc đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng để thu lợi nhuận ngày càng cao. *Tổng hợp lại có thể quan niệm sức cạnh tranh của DN chính là sự phát triển của nó trước các đối thủ cạnh tranh (nhất là trong việc chiếm lĩnh thị trường, tăng lợi nhuận).*

Luận án xác định hai tiêu chí chủ yếu phản ánh sức cạnh tranh của DN là: (i) hiệu quả SXKD của DN; (ii) thị phần của DN trên thị trường. Có thể các tiêu chí này chưa phản ánh được toàn diện, song nó đã nêu bật được đặc trưng cơ bản sức cạnh tranh của DN.

Sức cạnh tranh của DN chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố, có những nhân tố thuộc về bản thân DN và có những nhân tố thuộc môi trường kinh doanh, thể chế kinh tế. Những nhân tố thuộc về bản thân DN có: (i) Chiến lược kinh doanh của DN; (ii) nguồn nhân lực; (iii) trình độ công nghệ; (iv) quy mô vốn; (v) năng lực quản lý, điều hành DN. Còn những nhân tố bên ngoài DN là: (i) môi trường kinh doanh (gồm môi trường chính trị, kinh tế, xã hội; trong đó kể cả kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội); (ii) thể chế kinh tế (quy chế, thiết chế, ý thức, tập quán).

2. DNRĐTCPHDNNN thực chất là các CTCP ra đời sau quá trình chuyển đổi sở hữu trong tiến trình CPH DNNN. DNRĐTCPH DNNN hình thành có QHSX với những đặc trưng cơ bản:(i) Từ DN một chủ sở hữu duy nhất là Nhà nước trở thành DN nhiều chủ sở hữu nên xét về bản chất DNRĐTCPHDNNN đã có sự thay đổi quan trọng; (ii) do tách quyền sở hữu pháp lý với quyền chiếm hữu thực tế và quyền sử dụng tư liệu sản xuất, nên cũng tách quyền quản lý nhà nước với quyền quản lý doanh nghiệp, tạo ra sự thay đổi tích cực trong quan hệ tổ chức, quản lý điều hành DN; (iii) Quan hệ phân phối trong DN vừa theo kết quả lao động vừa theo lợi tức cổ phần. Do có nhiều cách thức, cấp độ CPH khác nhau nên ở các loại hình khác nhau của DNRĐTCPHDNNN cũng có những đặc trưng bản chất khác nhau.

Trên thị trường, biểu hiện sức cạnh tranh của DNRĐTCPH DNNN cũng như các loại hình DN khác, chính là sự phát triển của DN trước các đối thủ cạnh tranh (nhất là trong việc chiếm lĩnh thị trường, tăng lợi nhuận) và được phản ánh qua hai tiêu chí chủ yếu là: hiệu quả kinh doanh của DN và thị phần của DN trên thị trường. Về cơ bản, những nhân tố ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của DN nói chung cũng là những nhân tố ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của các DNRĐT CPHDNNN. Tuy nhiên, do những đặc trưng riêng có của loại hình DN này mà ảnh hưởng của các nhân tố đó có sự khác biệt với các hình thức DN khác, nhất là khác với DNNN là tiền thân của nó. Với sự biến đổi tích cực các quan hệ thuộc QHSX, DNRĐTCPHDNNN có khả năng khai thác và sử dụng các nhân tố ảnh hưởng sức cạnh tranh của DN tốt hơn so với DNNN trước khi CPH. Do vậy, nếu DNRĐTCPHDNNN muốn nâng cao sức cạnh tranh phải coi trọng các nhân tố ảnh hưởng, phải biết tận dụng các nhân tố đó một cách hiệu quả nhất. Việc làm này hết sức cần thiết cho DN cũng như cho nền kinh tế. Bởi lẽ, sức cạnh tranh của DNRĐTCPHDNNN nâng cao, không chỉ quyết định sự phát triển của DN trong môi trường cạnh tranh gay gắt, góp phần nâng cao sức cạnh tranh cho các DN của nền kinh tế nói chung, mà nó còn có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc minh chứng sự đúng đắn cho chủ trương CPH DNNN của Đảng và Nhà nước. Từ đó, nó góp phần đẩy nhanh tiến trình đổi mới, sắp xếp lại DNNN, giải quyết các vấn đề KT- XH.

3. Thông qua khảo sát thực tiễn việc nâng cao sức cạnh tranh các DNRĐT CPHDNNN ở một số địa phương trong cả nước, luận án phân tích và rút ra một số bài học kinh nghiệm để các DNRĐTCPH DNNN ở Hải Phòng và chính quyền thành phố Hải Phòng tham khảo. Muốn nâng cao được sức cạnh tranh, DNRĐTCPHDNNN phải có chiến lược kinh doanh đúng đắn, quản lý, điều hành tốt, huy động được thêm vốn, đổi mới công nghệ, xây dựng lại quy chế tài chính, lao động, đa dạng hoá sản phẩm, cải tiến chất lượng

mẫu mã, xây dựng được thương hiệu uy tín trên thị trường trong nước và thị trường ngoài nước, đạt hiệu quả kinh doanh cao. Đồng thời, sự quan tâm của chính quyền phải sát sao cả trước và sau CPH. Bên cạnh đó, những DN có quy mô nhỏ, khó thu hút thêm vốn, không đổi mới được công nghệ, chưa tích cực đổi mới trong công tác quản trị, lại thiếu sự quan tâm của chính quyền các cấp đã gặp trở ngại lớn trong việc nâng cao sức cạnh tranh của DN.

4. Qua phân tích, đánh giá thực trạng sức cạnh tranh của các DNRĐTCPH DNNN ở Hải Phòng giai đoạn 2000- 2006, trên cơ sở so sánh các tiêu chí phản ánh sức cạnh tranh của các DN với trước khi CPH và so với khu vực DNNN và DN tư nhân đang hoạt động trên địa bàn thành phố, cho thấy sức cạnh tranh của các DN này đã đạt được những kết quả tích cực nhất định. Các chỉ tiêu về hiệu quả SXKD và thị phần của DN trên thị trường đã cao hơn hẳn so với trước khi DN tiến hành CPH. Phân tích về hiệu quả SXKD của DN còn cho thấy các chỉ tiêu: tỷ suất lợi nhuận, hiệu suất và tiêu hao tài sản cố định, nộp ngân sách, trang bị tài sản cố định... của các DNRĐTCPH DNNN cũng cao hơn rất nhiều so với các DNNN và DN tư nhân đang hoạt động trên địa bàn thành phố. Tuy nhiên, nhìn chung sức cạnh tranh của các DNRĐTCPHDNNN cũng còn rất hạn chế, nhất là ở những DN SXKD thua lỗ, bị mất thị trường tiêu thụ sản phẩm.

5. Sức cạnh tranh của các DNRĐTCPHDNNN ở Hải Phòng đạt được những kết quả như vậy, chính là do các DN đã nỗ lực khai thác và sử dụng các nhân tố ảnh hưởng đến sức cạnh tranh DN. Sau CPH, đi vào hoạt động, các DN đã không ngừng hoàn thiện chiến lược kinh doanh; mở rộng quy mô DN; tận dụng nguồn nhân lực; tiếp thu, ứng dụng công nghệ mới; cải tiến quản lý DN và Nhà nước các cấp đã không ngừng hoàn thiện môi trường kinh doanh và thể chế kinh tế. Tuy nhiên, việc khai thác và sử dụng các nhân tố này ở các DNRĐTCPHDNNN cũng còn nhiều hạn chế cần khắc phục.

6. Trên cơ sở đánh giá chung, luận án xác định những vấn đề đặt ra đối với yêu cầu nâng cao sức cạnh tranh của các DNRĐTCPH DNNN ở Hải Phòng trong thời gian tới: (i) Đối với DNRĐTCPH DNNN phải tập trung giải quyết những vấn đề như: coi trọng xây dựng chiến lược cạnh tranh; nâng cao chất lượng đội ngũ lao động, ứng dụng công nghệ mới, cải tiến quản lý. (ii) Nhà nước cũng phải giải quyết tốt các vấn đề là: ban hành và bổ sung kịp thời chính sách về "hậu CPH"; đảm bảo sự bình đẳng giữa các DNRĐTCPHDNNN với các DN khác; thống nhất cao trong quan điểm, nhận thức về quản lý DNRĐT CPHDNNN.

7. Căn cứ vào những dự báo về môi trường cạnh tranh của các DNRĐTCPH DNNN ở Hải Phòng trong thời gian tới, phương hướng nâng cao sức cạnh tranh của các DN này được xác định đối với: (i) loại hình DNRĐT CPHDNNN mà Nhà nước nắm cổ phần chi phối (trên 50% vốn điều lệ)- DN vẫn giữ tính chất là DNNN; (ii) loại hình DNRĐTCPH DNNN mà Nhà nước không nắm cổ phần chi phối; (iii) loại hình DNRĐTCPH DNNN mà Nhà nước không nắm cổ phần

8. Nhằm nâng cao sức cạnh tranh của các DNRĐTCPHDNNN ở Hải Phòng từ nay đến năm 2015, luận án tập trung làm rõ những giải pháp chủ yếu: ***Về phía DNRĐTCPHDNNN****:* (i) phải tập trung xây dựng chiến lược cạnh tranh; (ii) tiếp tục giải quyết vấn đề sở hữu và xác định rõ hơn vai trò chủ sở hữu trong các DNRĐTCPHDNNN; (iii) đổi mới cơ chế quản lý và cách thức điều hành DN; (iv) thực hiện tốt quan hệ phân phối trong DN nhằm tạo động lực cho các chủ thể kinh tế hoạt động hiệu quả, tăng sức cạnh tranh; (v) nhanh chóng huy động vốn, đổi mới công nghệ, mở rộng thị trường; (vi) nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. ***Về phía Nhà nước****:* Nhà nước bổ sung, hoàn thiện chính sách kinh tế để tạo môi trường kinh doanh thống nhất, thuận lợi cho các DNRĐTCPHDNNN hoạt động. Ngoài việc bổ sung các Nghị định về CPH DNNN, ban hành chính sách về "hậu CPH", đặc biệt rất cần Nhà nước phát triển, mở rộng thị trường chứng khoán để các DNRĐTCPHDNNN có điều kiện tham gia. Qua đó, DN thu hút các nguồn vốn, minh bạch hoá hoạt động...

nhằm nâng cao sức cạnh tranh. Bên cạnh đó, chính quyền thành phố Hải Phòng không ngừng hoàn thiện môi trường kinh doanh cho các DNRĐTCP HDNNN hoạt động.

Việc nâng cao sức cạnh tranh của các DNRĐTCPHDNNN ở Hải Phòng, đòi hỏi phải có sự nỗ lực chung, đồng bộ của cả nền kinh tế. Trong đó, Chính phủ và các Bộ, ngành đóng vai trò chủ đạo trong việc đề ra chính sách và tạo môi trường cho các DNRĐTCPHDNNN hoạt động. Còn các DNRĐTCPHDNNN phải nỗ lực thực hiện các biện pháp nâng cao sức cạnh tranh của DN.